

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

TRƯỜNG THPT THANH ĐÀ
Số: 921 /QĐ-SGDĐT
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 156
Ngày: 17 tháng 4 năm 2024
Chuyên: Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025, loại hình công lập
Họ: Kế hoạch; A. Thiên; Lưu.

Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025, loại hình công lập

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp và yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố tại Tờ trình số 11/TTr-KHTC-TS ngày 17 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Nay giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 cho các trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học, loại hình công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (Kèm theo phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường có tên nơi điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC (ĐC).

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

Lê Hoài Nam

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025 (HỆ CÔNG LẬP)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh NH 2024-2025		Chia ra:									Ghi chú	
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ tiếng Pháp		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT				
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp		Số học sinh
1	THPT Thủ Thiêm	13	585	13	585									
2	THPT Giồng Ông Tố	13	585	13	585									
3	THPT Nguyễn Văn Tăng	19	855	19	855									
4	THPT Nguyễn Huệ	16	720	16	720									
5	THPT Long Trường	14	630	14	630									
6	THPT Phước Long	14	630	14	630									
7	THPT Dương Văn Thi	11	495	11	495									
8	THPT Bình Chiểu	14	630	14	630									
9	THPT Nguyễn Hữu Huân	17	695	10	450			2	70	5	175	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Tiếng Anh (35).		
10	THPT Thủ Đức	18	810	18	810									
11	THPT Hiệp Bình	15	675	15	675									
12	THPT Linh Trung	18	810	18	810									
13	THPT Đào Sơn Tây	14	630	14	630									
14	THPT Tam Phú	13	585	13	585									
15	Phổ thông Năng khiếu thể thao Olympic	3	70							3	70	NK TDTT		
16	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	13	455							13	455	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Sinh học (35), Tiếng Anh (105), Tiếng Anh (70-Đề án 5695), Tin học (35), Địa lí (35), Lịch sử (35).	Thực hiện chủ trương tổ chức lại (*)	
17	THPT Trưng Vương	15	675	15	675									
18	THPT Bùi Thị Xuân	17	745	15	675			2	70					
19	THPT Ten Lơ Man	13	585	13	585									
20	THPT Lương Thế Vinh	8	330	5	225			3	105					
21	THPT Năng Khiếu TDTT	7	210	7	210									
22	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	10	450	10	450									
23	THPT Lê Quý Đôn	14	490	14	490									
24	THPT Marie Curie	30	1,100	29	1,055	1	45							FIEF (45).
25	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	16	690	13	585	2	70	1	35					FIEF (70).
26	THPT Nguyễn Thị Diệu	17	765	17	765									
27	THPT Nguyễn Hữu Thọ	15	675	15	675									
28	THPT Nguyễn Trãi	14	630	14	630									
29	THPT chuyên Lê Hồng Phong	22	770							22	770	Ngữ văn (70), Toán (105), Vật lí (70), Hóa học (70), Sinh học (70), Tiếng Anh (105), Tiếng Anh (70-Đề án 5695), Tin học (35), Địa lí (35), Lịch sử (35), Tiếng Trung (35), Tiếng Nhật (35), Tiếng Pháp (35).		
30	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm	8	280	8	280									
31	THPT Trần Khai Nguyên	17	765	17	765									

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh NH 2024-2025		Chia ra:									Ghi chú	
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ tiếng Pháp		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TĐTT				
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu		
32	THPT Trần Hữu Trang	7	315	7	315									
33	THPT Hùng Vương	23	1,035	23	1,035									
34	Trung học thực hành Sài Gòn	5	175	4	140			1	35					
35	THPT Phạm Phú Thứ	17	765	17	765									
36	THPT Bình Phú	15	675	15	675									
37	THPT Nguyễn Tất Thành	16	720	16	720									
38	THPT Mạc Đĩnh Chi	26	1,090	18	810			2	70	6	210	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Sinh học (35), Tiếng Anh (35).		
39	Trường Quốc tế Việt Nam - Phần Lan	2	50	2	50									
40	THPT Ngô Quyền	16	720	16	720									
41	THPT Lê Thánh Tôn	14	630	14	630									
42	THPT Tân Phong	14	630	14	630									
43	THPT Nam Sài Gòn	5	225	5	225									
44	THPT Lương Văn Can	14	630	14	630									
45	THPT Tạ Quang Bửu	14	630	14	630									
46	THPT Nguyễn Văn Linh	16	720	16	720									
47	THPT Võ Văn Kiệt	14	630	14	630									
48	THPT Ngô Gia Tự	14	630	14	630									
49	THPT Chuyên Năng khiếu TĐTT Nguyễn Thị Định	15	585	9	405					6	180	NK TĐTT		
50	THPT Nguyễn An Ninh	15	675	15	675									
51	THPT Nguyễn Khuyến	16	720	16	720									
52	THPT Nguyễn Du	17	595	17	595									
53	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	6	270	6	270									
54	THCS và THPT Diên Hồng	10	450	10	450									
55	THPT Trần Quang Khải	18	810	18	810									
56	THPT Nguyễn Hiền	13	455	13	455									
57	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	18	810	18	810									
58	THPT Võ Trường Toản	15	675	15	675									
59	THPT Trường Chinh	19	855	19	855									
60	THPT Thạnh Lộc	15	675	15	675									
61	THPT Nguyễn Thượng Hiền	16	640	8	360			3	105	5	175	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Tiếng Anh (35).		
62	THPT Nguyễn Thái Bình	16	720	16	720									
63	THPT Nguyễn Chí Thanh	18	810	18	810									
64	THPT Trần Phú	15	675	15	675									
65	THPT Lê Trọng Tấn	15	675	15	675									
66	THPT Tân Bình	16	720	16	720									
67	THPT Tây Thạnh	22	990	22	990									
68	THPT Gò Vấp	14	630	14	630									
69	THPT Trần Hưng Đạo	20	900	20	900									
70	THPT Nguyễn Công Trứ	19	855	19	855									
71	THPT Nguyễn Trung Trực	20	900	20	900									
72	THPT Võ Thị Sáu	19	855	19	855									
73	THPT Phan Đăng Lưu	14	630	14	630									
74	THPT Hoàng Hoa Thám	20	900	20	900									
75	THPT Trần Văn Giàu	14	630	14	630									

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh NH 2024-2025		Chia ra:									Ghi chú
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ tiếng Pháp		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TĐTT			
				Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	
76	THPT Gia Định	20	810	11	495			3	105	6	210	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Tiếng Anh (35), Tin học (35).	
77	THPT Thanh Đa	15	675	15	675								
78	THPT Phú Nhuận	19	825	16	720			3	105				
79	THPT Hàn Thuyên	11	495	11	495								
80	THPT An Lạc	15	675	15	675								
81	THPT Bình Hưng Hòa	15	675	15	675								
82	THPT Vĩnh Lộc	14	630	14	630								
83	THPT Nguyễn Hữu Cánh	15	675	15	675								
84	THPT Bình Tân	16	720	16	720								
85	THPT Tân Túc	16	720	16	720								
86	THPT Bình Chánh	17	765	17	765								
87	THPT Đa Phước	17	765	17	765								
88	THPT Năng khiếu TĐTT Huyện Bình Chánh	12	510	10	450					2	60	NK TĐTT	
89	THPT Lê Minh Xuân	15	675	15	675								
90	THPT Phong Phú	17	765	17	765								
91	THPT Vĩnh Lộc B	14	630	14	630								
92	THPT Cù Chi	16	720	16	720								
93	THPT An Nhơn Tây	18	810	18	810								
94	THPT Phú Hòa	13	585	13	585								
95	THPT Quang Trung	14	630	14	630								
96	THPT Trung Phú	15	675	15	675								
97	THPT Tân Thông Hội	13	585	13	585								
98	THPT Trung Lập	12	540	12	540								
99	THPT Bà Điểm	15	675	15	675								
100	THPT Nguyễn Hữu Tiến	11	495	11	495								
101	THPT Hồ Thị Bi	11	495	11	495								
102	THPT Lý Thường Kiệt	12	540	12	540								
103	THPT Nguyễn Hữu Cầu	15	665	14	630			1	35				
104	THPT Phạm Văn Sáng	15	675	15	675								
105	THPT Nguyễn Văn Cừ	13	585	13	585								
106	THPT Dương Văn Dương	14	630	14	630								
107	THPT Long Thới	11	495	11	495								
108	THPT Phước Kiển	12	540	12	540								
109	THPT Cần Thạnh	8	320	8	320								
110	THPT An Nghĩa	11	460	11	460								
111	THPT Bình Khánh	8	360	8	360								
112	THCS và THPT Thạnh An	2	45	2	45								
113	THPT Quốc tế Việt Úc	4	90	4	90								

(*): Thực hiện chủ trương "Xây dựng Đề án tổ chức lại Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa trên cơ sở tách Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa thành (1) Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và (2) Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa". Sau khi tách trường theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ ban hành Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 bổ sung cho trường (2) Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa.